

KHU HỌC CHÁNH GARDEN GROVE
Văn phòng Giáo Dục Bậc Tiểu Học
Khôi Giáo Vụ Mẫu Giáo-Lớp 6

Sổ Hướng Dẫn Phụ Huynh về
Tiêu Chuẩn Liên Tiểu Bang

KHU HỌC CHÁNH GARDEN GROVE



Lớp Hai



ĐÔI LỜI CÙNG PHỤ HUYNH:

Trong nỗ lực tiếp tục cải tiến việc giảng dạy cũng như việc học tập của học sinh trong toàn học khu, tầm quan trọng của gia đình và cha mẹ học sinh luôn được đặt lên hàng đầu. Chúng tôi soạn Sổ Hướng Dẫn này để giúp quý vị nắm vững về Tiêu Chuẩn Liên Tiểu Bang với những kỳ vọng rất cao dành cho học sinh và nhân viên nhà trường. Sổ Hướng Dẫn sẽ giúp quý vị hiểu được những điều học sinh cần thực hiện trong nhiều lãnh vực học tập. Muốn biết thêm chi tiết, phụ huynh có thể vào trang mạng dưới đây:

www.cde.ca.gov

**Khu Học Chánh Garden Grove
10331 Stanford Avenue
Garden Grove, CA 92840
www.ggusd.us**

3 Ý Chính để Phụ Huynh nắm vững về Tiêu Chuẩn Liên Tiểu Bang

Suy Nghĩ Thật Kỹ

Tiêu Chuẩn Liên Tiểu Bang nhấn mạnh đến việc suy nghĩ chín chắn. Điểm này đòi hỏi học sinh phải phân tích nhiều, thảo luận nhiều, lượng định nhiều, biện luận và giải thích về những điều suy nghĩ và hiểu rõ sự việc thật sâu sắc, đặc biệt trong lãnh vực viết luận.

**Suy nghĩ sâu về nội dung thật đã là khó – Hiển nhiên là khó nên cần phải giúp con em nói ra được những gì nội dung hàm chứa.*

Kết Hợp Học Tập

Tiêu Chuẩn Liên Tiểu Bang nhấn mạnh việc kết hợp nội dung các môn học với nhau (đọc, toán và nghiên cứu xã hội được phối hợp thành một việc). Học sinh sẽ phải dành thêm nhiều thời gian để cùng nhau học tập trong nhiều môi trường, tổ chức và phương tiện khác nhau.

**Các em cần thấy rõ vấn đề và cách giải quyết hiển hiện ngay trong cuộc sống thực tế.*

Cho Thấy “Làm Sao Biết Được”

Tiêu Chuẩn Liên Tiểu Bang nhấn mạnh đến bằng chứng và chứng cứ. Học sinh sẽ nắm vững các nguyên tắc tiến hành, nên những ngày chỉ biết làm xong bài để nộp đã qua. Nay các em có cơ hội để phối hợp làm việc và giải thích những gì mình suy nghĩ.

**Bài thi mới đòi hỏi học sinh phải giải thích cách tìm ra đáp số ... “nghĩa là làm sao biết được kết quả đó.”*



Ngữ Văn

Tiêu Chuẩn Môn Đọc về Văn Chương

Ý chính và chi tiết

1. Hỏi và trả lời những câu hỏi về: ai, cái gì, ở đâu, khi nào, tại sao và thế nào để cho thấy đã hiểu rõ những chi tiết trong bài.
2. Kể lại các câu chuyện gồm cả chuyện ngụ ngôn, chuyện dân gian của những nền văn hoá khác nhau và nắm vững được ý chính câu chuyện, bài học hay ngụ ý đạo đức.
3. Diễn tả cung cách mà những nhân vật trong câu chuyện ứng phó trước những cảnh ngộ và thử thách.

Mô hình và kết cấu

4. Cho biết từ hoặc ngữ (ví dụ. nhịp thường, ngữ vận, vần điệu, những đoạn lặp lại) đã có tác dụng trên âm điệu và ý nghĩa câu chuyện, bài thơ hay bài hát. (Xem tiêu chuẩn 4-6 của lớp 2 để biết thêm những yêu cầu khác.)
5. Sơ lược kết cấu câu truyện, kể cả câu truyện được dẫn nhập thế nào và kết thúc ra sao.
6. Nhận ra các điểm khác biệt về quan điểm của các nhân vật, kể cả biết cách thay đổi giọng đọc khác nhau cho từng nhân vật.

Kết hợp kiến thức và ý tưởng

7. Sử dụng những kiến thức thu thập qua hình minh hoạ, chữ dùng trong sách in hay sách điện tử để trình bày sự hiểu biết về các nhân vật, bối cảnh, hay cốt truyện.
8. (Không ứng dụng vào văn chương)
9. So sánh điểm tương đồng và dị biệt giữa hai hoặc nhiều ấn bản của cùng một câu truyện (ví dụ truyện Cinderella) do nhiều tác giả khác nhau viết hay của các nền văn hoá khác nhau.

Phạm vi môn đọc và mức độ phức tạp của bài đọc.

10. Vào cuối năm học, đọc và tìm hiểu văn chương, kể cả truyện, thơ những bài thuộc trình độ cao của lớp 2–3, theo mức độ phức tạp tăng dần cần thiết

Tiêu Chuẩn Môn Đọc cho Loại Bài Thường Thức

Ý Chính và Chi Tiết

1. Hỏi và trả lời những câu hỏi về: ai, cái gì, ở đâu, khi nào, tại sao và thế nào để cho thấy đã hiểu rõ những chi tiết trong bài.
2. Nắm vững ý chính của bài đọc có nhiều đoạn cũng như chú ý đến một số đoạn chính trong bài.
3. Nêu lên mối tương quan có trong bài về một chuỗi sự kiện lịch sử, các ý tưởng và khái niệm khoa học hoặc trình tự kỹ thuật.

Mô hình và kết cấu

4. Hiểu nghĩa các từ và ngữ trong bài ở trình độ và chủ đề cấp lớp hai. (Xem tiêu chuẩn 4-6 của lớp 2 để biết thêm chi tiết.)
5. Biết và sử dụng nhiều hình thức trình bày (ví dụ phụ đề, chữ in đậm, tiểu tựa, mục lục, mục tra chữ, bảng kê điện tử, hình khoá) để nhanh chóng nhận ra những dữ kiện chính hoặc các chi tiết trong bài.
6. Hiểu được mục đích của bài, những điều tác giả muốn nói, giải thích hoặc mô tả.

Kết hợp kiến thức và ý tưởng

7. Giải thích về cách những hình ảnh minh hoạ (như giản đồ vận hành của một cái máy) góp phần làm rõ nghĩa cho bài đọc.
8. Trình bày cách tác giả biện luận cho một số điểm trong bài.
9. So và sánh những điểm quan trọng nhất của hai bài có cùng một đề tài.

Phạm vi môn đọc và mức độ phức tạp của bài đọc.

10. Vào cuối năm học, học sinh phải có thể tự đọc và hiểu một cách thành thạo loại bài đọc về thường thức, bao gồm lịch sử/nghiên cứu xã hội, khoa học và kỹ thuật với trình độ cao của lớp 2 – lớp 3 theo mức độ phức tạp tăng dần cần thiết.

Tiêu chuẩn môn đọc: Kỹ năng căn bản

Phân biệt âm và tự

3. Hiểu rõ và áp dụng kỹ năng phân tích âm và tự theo trình độ cấp lớp để biết đọc chữ đứng một mình hay trong câu.
 - Biết phân biệt các nguyên âm dài và ngắn trong các chữ đơn vần thường dùng.
 - Biết được âm của những nhóm nguyên âm.
 - Biết ráp vần những từ hai vần thường dùng có nguyên âm dài.
 - Biết các chữ có tiếp đầu tố và tiếp vĩ tố thông thường.
 - Biết các từ đồng âm dị nghĩa – có cách viết khác nhau nhưng đọc giống nhau.
 - Nhận biết và đọc được các chữ không viết theo quy tắc, thuộc trình độ cấp lớp.

Trôi chảy

4. Đọc đúng và trôi chảy để hiểu bài.
 - Đọc bài theo trình độ lớp với chủ đích và hiểu rõ bài đọc.
 - Đọc lớn giọng, chính xác, tốc độ vừa phải và truyền cảm theo diễn tiến của bài đọc thuộc đúng trình độ.
 - Dựa theo nội dung để xác định hoặc nhận ra đúng từ và hiểu bài đang đọc, nếu cần phải đọc lại.



Tiêu chuẩn môn viết

Thể văn và mục đích

1. Viết các mẫu ý kiến để giới thiệu đề tài hay quyển sách nào đó; đưa ý kiến, nêu chứng cứ bổ sung cho ý kiến đó, dùng những chữ nối câu (ví dụ: bởi vì, và, cũng như) để kết nối quan điểm với lý do, và đưa đến câu hoặc phần kết luận.
2. Viết bài tường thuật hay giải thích để giới thiệu một đề tài, dùng những dữ kiện và định nghĩa để khai triển các điểm và cho câu hoặc phần kết luận.
3. Viết truyện ký kể lại một sự việc có các chi tiết kết hợp chặt chẽ, hoặc một loạt các sự kiện nhỏ có những chi tiết mô tả động tác, ý nghĩ và cảm xúc, dùng những chữ chỉ thời gian để cho thấy thứ tự diễn tiến của sự việc và dẫn tới kết luận.

Thực hiện và hoàn thành bài viết

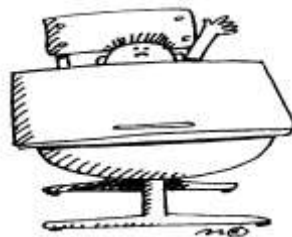
4. Dưới sự hướng dẫn của người lớn, học sinh viết những bài được khai triển và sắp xếp thích hợp với mục đích và loại bài. (Mục tiêu đề ra cho bài viết trình độ cấp lớp được ghi trong tiêu chuẩn 1–3 kể trên.)
5. Dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người lớn và bạn cùng lớp, đặt trọng tâm vào đề tài và trau chuốt bài viết bằng cách xem và sửa lại bài.
6. Dưới sự hướng dẫn của người lớn, sử dụng các phương tiện điện tử để tiến hành và hoàn tất bài viết; kể cả cùng phối hợp với bạn để viết.

Tìm tòi để thu thập và trình bày sự hiểu biết

7. Tham gia vào những tiểu án chung để tìm tòi và tập viết (ví dụ đọc một số sách về một đề tài nào đó để viết bài tường thuật, ghi lại những quan sát khoa học.)
8. Hỏi tường những kinh nghiệm hoặc thu thập các chi tiết từ các nguồn tài liệu để trả lời câu hỏi.
9. (Bắt đầu ở lớp 4)

Phạm vi môn viết

10. Thường xuyên viết theo các khoảng thời gian dài (thời gian để nghiên cứu, phản ánh và sửa lại) và các khoảng thời gian ngắn hơn (viết ngay tại chỗ hay một, hai ngày) cho phù hợp với những yêu cầu, mục đích và độc giả.



Tiêu Chuẩn về Nói và Nghe

Hiểu và kết hợp

1. Tham gia vào các cuộc bàn thảo với bạn đồng lớp hoặc với người lớn về các đề tài thuộc lớp 2 theo từng nhóm nhỏ, lớn khác nhau.
 - Theo những quy ước tự giao hẹn với nhau trong cuộc thảo luận (vd. phát biểu ý kiến trong tinh thần tương kính, chăm chú nghe bạn nói, chờ đến phiên sẽ trình bày đề tài hay bài thảo luận.)
 - Dựa vào lời trình bày của các bạn trong cuộc đối thoại bằng cách nối kết lời phê bình của họ với nhận xét của người khác.
 - Hỏi cho rõ thêm hay được giải thích thêm nếu cần về những đề tài hay về bài đang thảo luận.
2. Thuật lại hay trình bày những ý chính hay các chi tiết trong bài do người khác đọc lớn hoặc các chi tiết đọc trên các phương tiện truyền thông khác.
 - Đưa ra yêu cầu và làm theo lời yêu cầu bảo làm ba hay bốn việc.
3. Hỏi và trả lời các câu hỏi mà ai đó nêu ra để hiểu rõ hơn, thu thập thêm chi tiết hay để thấu triệt đề tài hoặc vấn đề.

Tiêu chuẩn về Nói và Nghe (tiếp theo)

Trình bày sự hiểu biết và ý tưởng

4. Kể một câu chuyện hay thuật lại một kinh nghiệm kèm theo các dữ kiện thích hợp, tả chi tiết, nói rành mạch rõ ràng.
 - Sắp xếp và trình bày một bài tường thuật, gồm: kể lại sự kiện với những chi tiết phối hợp chặt chẽ, phản ánh diễn tiến hợp lý và đưa đến kết luận.
5. Thu âm các câu chuyện, bài thơ, thêm hình vẽ hay các tranh minh họa cho câu truyện hoặc kể lại những kinh nghiệm vào lúc thích hợp để làm sáng tỏ các ý tưởng, ý nghĩ và cảm xúc.
6. Dùng trọn câu đúng lúc để trình bày công việc hay bối cảnh nhằm trả lời những chi tiết hoặc cung cấp xác minh. (Xem tiêu chuẩn 1 và 3 về Ngôn ngữ dành cho lớp 2 để biết thêm chi tiết cụ thể.)

Tiêu chuẩn về Ngôn ngữ

Quy ước về Anh ngữ Tiêu Chuẩn

1. Nắm vững quy ước ngữ pháp Anh ngữ tiêu chuẩn và cách áp dụng vào văn viết hay văn nói.
 - Viết bài với nét chữ rõ ràng dễ đọc.
 - Biết dùng những danh từ tập hợp (ví dụ: nhóm).
 - Biết dùng những danh từ số nhiều bất quy tắc (ví dụ về số nhiều của: 'chân' *feet*, 'trẻ em' *children*, 'răng' *teeth*, 'chuột' *mice*, 'cá' *fish*).
 - Dùng đại từ phản ánh (ví dụ: *myself* 'tự tôi', *ourselves* 'tự chúng tôi').
 - Hiểu và biết cách dùng những động từ bất quy tắc (ví dụ *sat*, *hid*, *told*).
 - Biết dùng tính từ và trạng từ, biết dùng loại nào để bổ nghĩa cho thích hợp.
 - Đặt câu, thêm vào những chữ bổ nghĩa, và sắp xếp lại những câu đơn giản trọn câu hoặc những câu ghép. (ví dụ: *The boy watched the movie* 'Cậu trai đã xem phim đó'; *The little boy watched the movie* 'Cậu bé trai đã xem phim đó'; *The action movie was watched by the little boy*. 'Cậu bé trai đã xem cuốn phim bạo động đó' hoặc 'Cuốn phim bạo động đã được cậu bé trai xem').
2. Nắm vững quy ước ngữ pháp Anh ngữ tiêu chuẩn về cách viết hoa, chấm câu, viết đúng chính tả.
 - Biết viết hoa ngày lễ, tên sản phẩm, địa danh.
 - Biết dùng dấu phẩy ở phần đầu thư và cuối thư.
 - Biết dùng dấu phẩy cao khi viết những chữ rút gọn và dạng sở hữu chủ thường dùng.
 - Biết tổng quát hoá nguyên tắc chính tả của các chữ đã học để dùng đến khi viết bài. (vd., *cage* → *badge*; *boy* → *boil*).
 - Tập dùng tài liệu tham khảo như tự điển để khi cần tìm nghĩa và viết cho đúng.

Kiến thức về ngôn ngữ

3. Dùng những kiến thức và quy ước về ngôn ngữ để viết, nói, đọc và nghe.
 - So sánh những cách dùng Anh ngữ trịnh trọng và thường dùng.



Tiêu chuẩn về Ngôn ngữ (tiếp theo)

Học và áp dụng từ vựng

- Xác định và làm rõ nghĩa các từ và các ngữ mới hoặc có nhiều nghĩa cho môn đọc và trong nội dung của trình độ lớp 2; uyển chuyển chọn các phương pháp.
 - Biết dùng nội dung câu để suy ra nghĩa của từ hay ngữ mới.
 - Biết xác định nghĩa của một từ mới khi ghép một tiếp đầu tố đã biết vào một chữ cũng đã biết (ví dụ: *happy/unhappy* 'vui/không vui', *tell/retell* 'kể/ kể lại').
 - Dùng một chữ đã biết nghĩa để suy ra nghĩa của một chữ chưa biết có cùng một gốc (ví dụ: *addition* ' cộng, thêm', *additional* 'cộng,thêm vào').
 - Dùng nghĩa của từng chữ riêng mà đoán ra nghĩa của từ ghép (ví dụ: *birdhouse*, *lighthouse*, *housefly*; *bookshelf*, *notebook*, *bookmark*).
 - Dựa vào bản mục lục và tự điển nhỏ, sách in hoặc sách điện tử để xác định hoặc làm rõ nghĩa của từ và ngữ trong toàn bài.
5. Hiểu được mối liên quan giữa nghĩa chính và nghĩa tinh tế của cùng một chữ.
- Nhận ra mối tương quan giữa chữ và cách dùng chữ đó trong cuộc sống thực tế (ví dụ: tả những loại thức ăn *spicy* 'đậm đà gia vị' hay *juicy* 'mọng nước').
 - Phân biệt được những nghĩa tinh tế khác nhau của các động từ (vd., *toss* 'thảy', *throw* 'ném', *hurl* 'phóng') và các tính từ có nghĩa khá gần nhau (ví dụ: *thin* 'gầy', *slender* 'mảnh mai', *skinny* 'gầy gò xương', *scrawny* 'ốm nhách').
6. Dùng từ và ngữ rút ra từ các mẫu đối thoại, bài đọc hoặc nghe người khác đọc để trả lời bài đọc, gồm cả việc dùng các tính từ và trạng từ để diễn tả (ví dụ: *Khi những đứa trẻ khác vui, tôi cũng vui theo*).



Môn Toán

Giải toán và khái niệm đại số

Minh họa và giải các phép toán cộng và trừ

1. Cộng và trừ trong vòng 100 để giải các bài toán đố có một và hai phép toán liên quan đến việc thêm vào hay lấy bớt ra, gộp chung lại hoặc tách ra từng phần, so sánh, ở mọi vị trí đều có ẩn số hiện diện; chẳng hạn như dùng hình vẽ, phương trình với một ẩn số đang tìm trong bài toán.

Cộng và trừ trong khoảng 20.

2. Cộng và trừ nhằm thông thạo trong khoảng 20. Vào cuối lớp 2, thuộc lòng tổng số của hai con số nhỏ hơn 10.

Tạo căn bản cho việc học toán nhân bằng cách sử dụng các nhóm đồ vật có lượng bằng nhau.

3. Xác định được trong các nhóm đồ vật (tối đa là 20 vật) có lẻ có chẵn, bằng cách cặp đôi các vật hay đếm cách 2 số; viết phương trình biểu thị một số chẵn là tổng của hai số bằng nhau cộng lại.
4. Dùng tính cộng để tìm tổng số đồ vật xếp thành hàng theo kiểu hình chữ nhật với nhiều nhất là 5 hàng ngang hay 5 hàng dọc; viết phương trình biểu thị tổng số là kết quả của các số bằng nhau đó cộng lại.

Số và Các Phép Tính Hệ Thập Phân

Hiểu trị số các hàng số.

1. Hiểu được trong một số gồm ba hàng số, có một số thuộc hàng trăm, một số hàng chục và một số hàng đơn vị; ví dụ 706 bằng với 7 trăm, 0 chục, và 6 đơn vị. Hiểu những trường hợp đặc biệt sau đây:
 - 100 coi như là một bó của mười cái mười (chục) — gọi là một “trăm”.
 - Những con số như 100, 200, 300, 400, 500, 600, 700, 800, 900 cho biết đó là một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, hay chín trăm (và 0 chục và 0 đơn vị).
2. Đếm đến 1000; đếm cách 2, 5, 10, và 100.
3. Đọc và viết các số lên tới 1000 dùng cách đếm số theo hàng 10, tên số, và dạng khai triển của số.
4. So sánh hai số có 3 hàng số dựa trên trị số của hàng trăm, chục, và hàng đơn vị, dùng những ký hiệu như: $>$, $=$, và $<$ để ghi lại kết quả của sự so sánh trên.

Áp dụng sự hiểu biết về trị số các hàng số và tính chất các phép tính để cộng và trừ.

5. Cộng và trừ nhằm thông thạo trong khoảng 100, bằng cách dựa trên trị số của hàng số, phép toán, và/hay mối liên quan giữa phép cộng và phép trừ.
6. Cộng bốn số có hai hàng số bằng phương pháp dựa trên trị số của hàng số và dùng phép tính.
7. Cộng và trừ trong khoảng 1000, dùng những đồ vật hay hình vẽ và phương pháp dựa trên trị số của hàng số, phép tính, và/hay mối liên quan giữa phép cộng và phép trừ; viết lời giải cho bài toán. Hiểu được khi cộng hay trừ các số có 3 hàng số thì phải cộng hay trừ hàng trăm với hàng trăm, hàng chục với hàng chục, hàng đơn vị với hàng đơn vị; và đôi khi cũng cần phải tách ra hay gộp lại hàng chục hoặc hàng trăm.
- 7.1 Dùng phương pháp ước đoán hợp lý để giải bài toán.
8. Cộng nhẩm 10 hay 100 vào những số được cho như 100-900, và trừ nhẩm 10 hay 100 từ các con số được cho như 100-900.
9. Dùng trị số của hàng số và tính chất các phép tính để giải thích tại sao phải dùng tính cộng hay tính trừ.



Đo Lường và Dữ Liệu

Đo và đoán chiều dài theo đơn vị tiêu chuẩn.

1. Đo chiều dài của một vật bằng những dụng cụ đo lường thích hợp như thước đo, thước Anh, thước cây và thước dây.
2. Đo chiều dài của một vật hai lần, mỗi lần dùng một đơn vị đo lường khác nhau. Giải thích về sự liên quan giữa hai đơn vị đo lường đối với chiều dài của vật được đo.
3. Ước đoán chiều dài bằng cách dùng những đơn vị đo lường khác nhau như inches (thốn), feet (xích), centimeters (cen-ti-mét), và meters (mét).
4. Đo chiều dài của hai vật để biết vật nào dài hơn, dùng đơn vị tiêu chuẩn để ghi lại sự chênh lệch về chiều dài của hai vật đó.

Mối liên quan giữa tính cộng và tính trừ đối với chiều dài.

5. Dùng toán cộng và trừ đến số 100 để giải bài toán đố liên quan đến các số đo chiều dài dùng cùng những đơn vị đo lường, ví dụ dùng hình vẽ (chẳng hạn như hình vẽ thước cây) và phương trình có một ẩn số để giải bài toán.
6. Dùng số nguyên để biểu thị các chiều dài tính từ số 0 đến một con số trên giản đồ đường thẳng có các khoảng cách phân đều-tương ứng với các số 0, 1, 2, ..., và biểu thị cho các số nguyên có tổng số hay hiệu số trong khoảng 100.

Học về cách xem giờ và tiền.

7. Biết đọc và viết giờ hiện trên đồng hồ mặt số hoặc đồng hồ hiện số với mức chính xác theo từng 5 phút, ghi 'a.m' cho buổi sáng và 'p.m' cho buổi chiều.
8. Giải các bài tính đố liên quan đến tiền giấy, tiền các 25 xu, 10 xu, 5 xu, và 1 xu, biết dùng các ký hiệu \$ và ¢. Ví dụ: Nếu bạn có 2 trạ 10 ¢ (xu) và 3 trạ 1 ¢ (xu), vậy tổng cộng bạn có bao nhiêu xu?

Phác họa và giải thích.

9. Lập bản số liệu về chiều dài của nhiều vật, hoặc đo nhiều lần chiều dài của một vật và lấy tròn số đơn vị. Ghi kết quả đo lường bằng cách đánh dấu ở số nguyên tương ứng trên lần thước ngang.
10. Vẽ một hình đồ thị và một thanh đồ thị (với tỉ lệ là một đơn vị) để biểu thị hệ thống số liệu lên đến bốn hạng mục khác nhau. Dùng dữ liệu của thanh đồ thị để giải bài toán đơn giản như gộp chung, tách ra, và so sánh.

Hình học

Lập luận về hình thể và các thuộc tính.

1. Nhận diện và vẽ các hình với những đặc tính như số góc hay số mặt bằng nhau của hình. Nhận biết hình tam giác, tứ giác, ngũ giác, lục giác và hình khối.
2. Chia một hình chữ nhật ra thành nhiều hàng và cột để có các ô vuông bằng nhau và đếm xem tổng cộng có bao nhiêu ô vuông ấy.
3. Chia các hình tròn và hình chữ nhật ra làm hai, ba, hoặc bốn phần đều nhau, diễn tả những phần ấy bằng cách dùng những từ như: phân nửa, phần ba, một nửa của, một phần ba của .v.v.. và cho thấy nguyên hình là gồm hai nửa, ba mảnh một phần ba, bốn cái một phần tư. Nhận ra được những phần chia bằng nhau của hai hình đồng dạng không nhất thiết phải đồng dạng.

math